TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 4 - 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Huỳnh Hưởng

Bà : Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Việt Xô - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc: Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Ngọc L**, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn H,** sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Khóm F, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Huỳnh Ngọc L trình bày tại đơn khởi kiện 17/02/2023:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn H chung sống với nhau vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn, trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng quan điểm, tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường hay cự cải, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng ly thân thời gian dài. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn H.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung, Nguyễn Chí T, sinh năm 2000; Nguyễn Thúy H1, sinh năm 2002, nay trưởng thành, không yêu cầu tòa án xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: có nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án

giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để công khai chứng cứ hòa giải và xét xử, qua thủ tục niêm yết nhưng ông H vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được lời trình bài của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc L và ông Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, 277, 288, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Huỳnh Ngọc L khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H tranh chấp về hôn nhân. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bà L là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự bà L là nguyên đơn, ông H là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Huỳnh Ngọc L và ông Nguyễn Văn H kết hôn năm 1999, hôn nhân tự nguyện không có đăng ký kết hôn, có sự xác nhận của chính quyền địa phương. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông H do bà L và ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy đinh của pháp luật, nên hôn nhân giữa bà L và ông H là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà L yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân Tòa án không công nhận bà L và ông H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L và ông H xác định có nhưng tự thỏa thuận. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 68; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 14; Điều 51; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Huỳnh Ngoạc L1 và ông Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà L1 phải chịu án phí 300.000 đồng, ngày 21/2/2023 bà L1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006206 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu đối trừ.

3. Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng NV-KT TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND thị trấn Sông Đốc, huyện TVT
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thanh Thủy